

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 17 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,210.3 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin gần như giảm sàn, theo sau là ngành Hóa chất, Bất động sản,... Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản sụt giảm mạnh, cho thấy tâm lý e ngại trước vùng kháng cự cũ 1,240 – 1,250 của thị trường. Bên cạnh đó, biên độ dao động vẫn lỏng lẻo, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-17.49** điểm, đóng cửa tại **1210.3** điểm. HNX-Index **-0.83** điểm, đóng cửa tại **209.41** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.28)**, **ACB (+0.22)**, **BHN (+0.15)**, **SHB (+0.10)**, **BMP (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-2.68)**, **VIC (-2.32)**, **VCB (-1.40)**, **VHM (-0.98)**, **GVR (-0.84)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,992** tỷ đồng, giảm **-20.87%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,431 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27.91 điểm. Thị trường có **153** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **319** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-277.02** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-499.22 tỷ)**, **HAH (-98.32 tỷ)**, **HCM (-72.19 tỷ)**, **KBC (-63.30 tỷ)**, **VNM (-41.96 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-88.49** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.29%**. Các mã diễn biến tích cực:
TPB (+1.17%) [\(Link báo cáo\)](#)
ACB (+0.83%) [\(Link báo cáo\)](#)
VCI (+0.82%)
- BSC50 **-1.47%**. Các mã diễn biến tích cực:
BMP (+3.87%)
VJC (+2.52%)
HDC (+1.82%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.29%	-1.47%	-1.42%	-1.34%
1 tuần	13.19%	11.58%	10.60%	10.66%
1 tháng	-13.74%	-13.93%	-9.43%	-7.29%
3 tháng	-10.18%	-8.38%	-2.58%	-0.77%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,210.30	209.41	90.39
% 1D	-1.42%	-0.39%	-0.70%
GTGD (tỷ VND)	17,992	920	485
%1D	-20.87%	-24.38%	-19.97%
GDNN (tỷ VND)	-277.02	-88.49	-15.39

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	245.59	VHM	-89.36
MWG	175.11	HCM	-84.40
VCB	101.49	KBC	-75.59
VIC	84.30	GMD	-63.92
VCG	67.92	DGC	-53.44

Thị trường thế giới

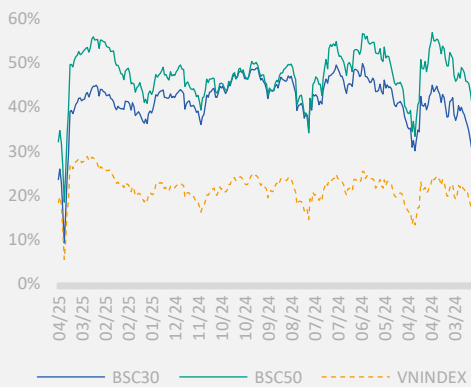
		%D	%W
SPX	5,397	-0.17%	8.31%
FTSE100	8,206	-0.53%	6.85%
Eurostoxx	4,927	-0.81%	6.72%
Shanghai	3,276	0.26%	2.80%
Nikkei	33,913	-1.03%	6.93%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.14	0.45%
Giá vàng	3,308	1.57%
Tỷ giá		
USD/VND	26,040	0.12%
EUR/VND	30,111	0.01%
JPY/VND	186	0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.02%
LS LNH 1M	4.1%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



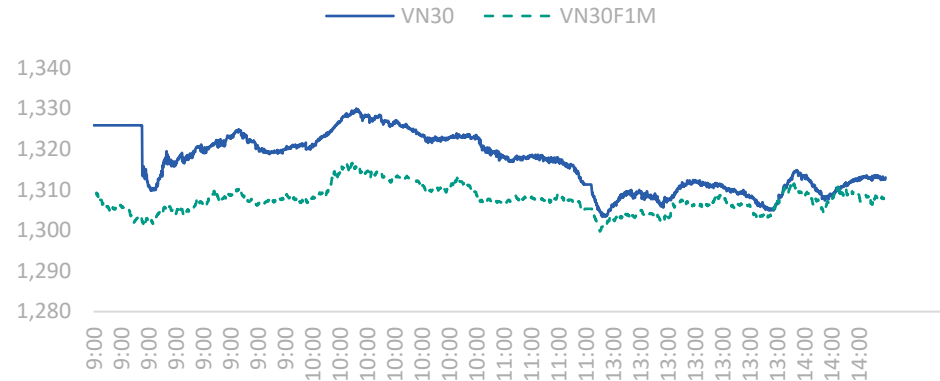
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1299.00	-1.37%	158	-11.2%	9/18/2025	155
VN30F2504	1290.00	-1.35%	245,598	-10.8%	4/17/2025	1
VN30F2505	1288.40	-1.50%	18,833	95.1%	5/15/2025	29
VN30F2506	1289.00	-1.49%	157	-45.1%	6/19/2025	64

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -17.51 điểm, đóng cửa tại 1293.25 điểm. Biên độ dao động 30.80 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VIC, MSN, LPB, HPG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm xuống dưới mốc tham chiếu trong phiên chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Những yếu tố ảnh hưởng đến phiên giao dịch ngày mai là bài phát biểu của chủ tịch FED và ngày đáo hạn phái sinh.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2505. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2504.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2405	6/30/2025	75	5,400	-80.70%	1.90	150	66.7%	2.77	2.50	12.95	12.95
CVPB2505	6/30/2025	75	200	-85.00%	2.10	420	40.0%	14.72	2.52	16.80	16.80
CTCB2505	6/30/2025	75	10,100	-79.84%	2.64	1,280	28.0%	11.59	5.20	25.80	25.80
CVRE2405	4/28/2025	12	3,222,100	-83.24%	1.90	760	13.4%	9.25	3.42	20.40	20.40
CMWG2408	5/14/2025	28	237,100	-86.76%	6.50	170	13.3%	8.39	7.52	56.80	56.80
CACB2504	5/26/2025	40	1,006,800	-87.82%	2.60	180	12.5%	10.86	2.96	24.30	24.30
CFPT2505	1/9/2026	268	142,000	-76.55%	15.80	950	10.5%	9.26	25.30	107.90	107.90
CSHB2401	5/14/2025	28	66,400	-73.25%	1.15	1,030	9.6%	5.43	3.21	12.00	12.00
CVRE2501	6/26/2025	71	1,224,500	-75.88%	1.80	1,040	8.3%	6.21	4.92	20.40	20.40
CVRE2408	8/14/2025	120	10,900	-74.02%	2.00	1,100	7.8%	6.14	5.30	20.40	20.40
CVRE2502	5/26/2025	40	134,900	-73.53%	1.70	1,850	7.6%	9.35	5.40	20.40	20.40
CVRE2505	10/23/2025	190	19,300	-67.06%	1.70	2,510	7.3%	9.37	6.72	20.40	20.40
CMSN2504	6/30/2025	75	35,100	-85.16%	7.77	150	7.1%	12.18	8.37	56.40	56.40
CVRE2503	10/27/2025	194	11,600	-69.51%	1.80	2,210	6.8%	9.32	6.22	20.40	20.40
CSHB2501	6/26/2025	71	20,900	-72.96%	0.99	1,250	5.9%	6.11	3.24	12.00	12.00
CTCB2501	7/28/2025	103	1,300	-77.05%	2.40	1,760	5.4%	11.72	5.92	25.80	25.80
CSHB2403	6/30/2025	75	98,500	-76.39%	1.23	800	5.3%	5.39	2.83	12.00	12.00
CVNM2501	5/26/2025	40	154,500	-86.62%	6.45	210	5.0%	9.99	7.49	56.00	56.00
CVNM2502	10/27/2025	194	112,400	-83.17%	6.55	580	3.6%	10.00	9.43	56.00	56.00
CSTB2502	9/26/2025	163	4,300	-73.47%	3.55	2,190	3.3%	11.56	10.12	38.15	38.15

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CVRE2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.09%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2404, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2403, CFPT2402, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	24.30	0.83%	0.77
VJC	85.40	2.52%	0.61
SHB	12.00	0.84%	0.30
HDB	20.65	0.49%	0.25
SSB	18.70	0.54%	0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	107.90	-6.98%	-6.79
VIC	67.90	-3.69%	-2.74
MSN	56.40	-3.59%	-1.53
LPB	32.65	-1.51%	-1.33
HPG	25.50	-1.35%	-1.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VJC	85.40	2.52%	0.28	0.54
ACB	24.30	0.83%	0.22	4.47
BHN	37.45	7.00%	0.15	0.23
SHB	12.00	0.84%	0.10	4.07
BMP	128.80	3.87%	0.10	0.08

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	13.90	8.59%	0.49	0.68
PVI	60.80	2.01%	0.17	0.23
NTP	63.90	2.24%	0.12	0.14
NVB	10.40	0.97%	0.07	1.17
BAB	11.00	0.92%	0.06	0.96

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BHN	37.45	7.00%	0.15	0.00
AAM	6.91	6.97%	0.00	0.00
SMC	7.47	6.87%	0.01	1.00
YEG	11.75	6.82%	0.04	5.94
SVI	59.80	6.79%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	13.40	9.84%	0.02	0.00
GKM	3.60	9.09%	0.04	0.94
ICG	8.40	9.09%	0.05	0.04
PTD	4.80	9.09%	0.01	0.00
DTK	13.90	8.59%	2.88	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	107.90	-6.98%	-2.68	1.47
VIC	67.90	-3.69%	-2.32	3.82
VCB	59.30	-1.17%	-1.40	8.36
VHM	56.50	-1.74%	-0.98	4.11
GVR	23.50	-3.69%	-0.84	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	63.00	-3.52%	-0.40	0.30
KSV	213.20	-0.84%	-0.22	0.20
IDC	35.00	-1.96%	-0.14	0.33
DHT	83.50	-2.00%	-0.08	0.08
TNG	15.00	-6.25%	-0.07	0.12

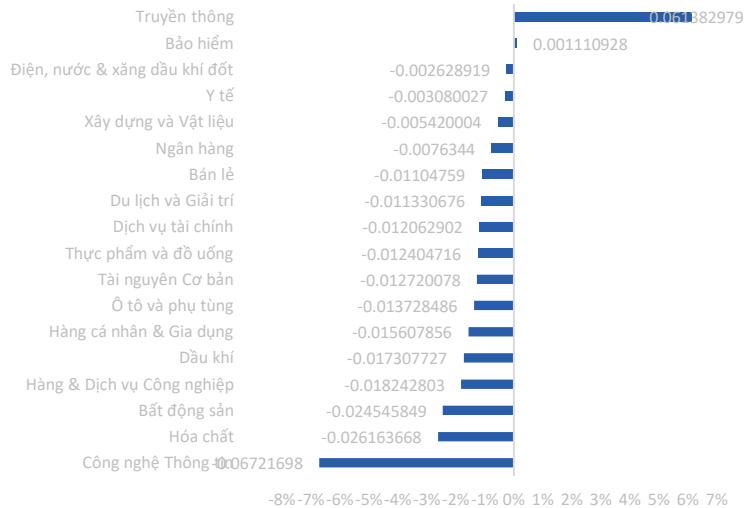
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	107.90	-6.98%	-2.68	18.89
SIP	59.80	-6.85%	-0.21	1.79
KBC	20.60	-6.79%	-0.26	21.09
TN1	9.42	-6.73%	-0.01	0.00
FMC	33.60	-6.67%	-0.04	0.14

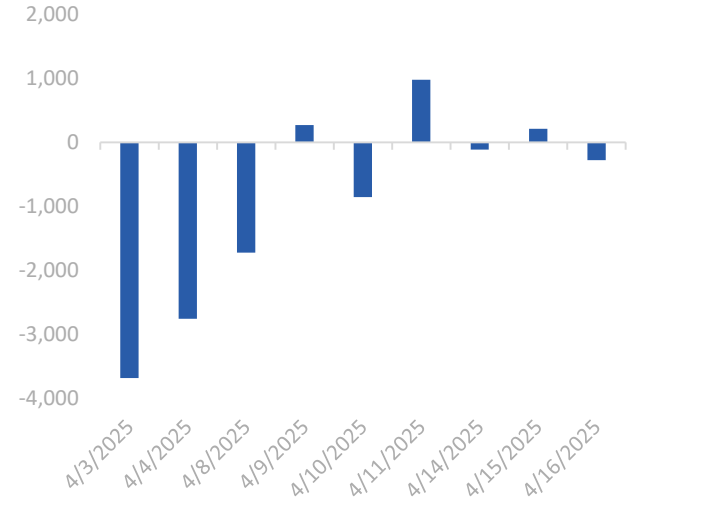
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CX8	9.60	-9.43%	-0.01	0.00
PJC	27.20	-9.33%	-0.07	0.00
VBC	19.60	-9.26%	-0.05	0.00
VNC	54.90	-9.26%	-0.19	0.00
ADC	19.80	-9.17%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	56.8	-0.5%	1.6	83,451	525.6	2,544	22.4		46.8%	
KBC	Bất động sản	20.6	-6.8%	1.4	16,964	444.0	498	44.4		17.4%	
KDH	Bất động sản	26.8	-0.9%	1.2	27,351	90.0	863	31.4		36.0%	
PDR	Bất động sản	16.5	0.0%	1.7	14,407	117.7	191	86.5	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	56.5	-1.7%	1.1	236,176	615.3	7,349	7.8	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	107.9	-7.0%	1.0	170,644	2081.9	5,371	21.6	163,000	41.9%	Link
BSR	Dầu khí	15.6	-2.2%	0.0	49,453	48.0	204	78.4		0.3%	
PVS	Dầu khí	25.0	0.0%	1.3	11,949	161.7	2,238	11.2	40,300	16.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.8	-3.0%	1.5	19,151	358.7	1,571	16.9		42.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.0	-1.3%	1.4	45,712	442.9	1,536	15.2		35.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.8	0.8%	1.3	26,211	429.7	1,537	23.7		29.6%	
DCM	Hóa chất	31.0	-0.2%	1.4	16,411	70.8	2,682	11.6	41,100	5.3%	Link
DGC	Hóa chất	87.6	-2.1%	1.6	33,990	225.6	7,864	11.4	111,400	15.4%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	0.8%	0.9	107,646	281.0	3,759	6.4	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	36.0	-1.4%	1.0	256,280	104.9	3,636	10.0	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.2	-1.5%	1.0	202,717	251.5	4,720	8.0		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.7	0.5%	1.0	71,823	274.5	3,667	5.6		16.9%	
MBB	Ngân hàng	22.9	-0.4%	1.0	140,352	504.0	3,729	6.2	26,300	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	10.9	0.0%	1.2	28,210	244.2	2,123	5.1	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	38.2	-0.8%	1.0	72,487	381.0	5,351	7.2		21.0%	
TCB	Ngân hàng	25.8	-0.8%	1.2	183,686	585.4	3,054	8.5	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.0	1.2%	1.2	33,817	118.7	2,298	5.6	-	23.7%	Link
VCB	Ngân hàng	59.3	-1.2%	0.6	501,341	166.0	4,049	14.8		22.4%	
VIB	Ngân hàng	18.2	-1.4%	1.0	54,965	93.9	2,424	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.8	-0.6%	1.0	134,083	237.9	1,989	8.5	25,500	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	-1.4%	1.2	165,343	664.1	1,879	13.8	37,500	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.6	-3.2%	1.4	8,694	86.4	935	15.0	22,700	6.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.0	0.2%	1.7	8,668	122.6	2,712	9.6	31,000	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	56.4	-3.6%	1.3	84,144	401.5	1,345	43.5		24.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.0	-0.5%	0.6	117,664	211.8	4,494	12.5		49.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.2	-3.88%	1.8	7,342	31.3	2,042	16.4	18.7%	0.0%	Link
FRT	Bán lẻ	145.0	-2.36%	1.3	20,232	64.5	2,331	63.7	32.0%	0.0%	
BVH	Bảo hiểm	44.1	0.11%	1.2	32,662	30.5	2,843	15.5	26.7%	0.0%	
DIG	Bất động sản	15.2	-2.88%	1.5	9,544	199.4	188	83.3	2.8%	0.0%	
DXG	Bất động sản	14.0	-0.36%	1.5	12,192	163.9	349	40.1	20.7%	0.0%	Link
HDC	Bất động sản	22.4	1.82%	1.3	3,924	80.7	384	57.3	2.8%	0.0%	
HDG	Bất động sản	22.2	-2.63%	1.4	7,668	37.5	1,036	22.0	19.6%	0.0%	
IDC	Bất động sản	35.0	-1.96%	1.4	11,781	150.2	6,049	5.9	19.3%	0.0%	
NLG	Bất động sản	28.4	-2.07%	1.4	11,167	65.0	1,346	21.6	37.5%	0.0%	Link
SIP	Bất động sản	59.8	-6.85%	0.0	13,516	108.5	5,584	11.5	5.5%	0.0%	
SZC	Bất động sản	29.6	-3.90%	1.3	5,544	89.8	1,809	17.0	2.6%	0.0%	Link
TCH	Bất động sản	16.5	0.30%	1.5	10,959	99.7	1,466	11.2	8.8%	0.0%	Link
VIC	Bất động sản	67.9	-3.69%	1.1	269,568	984.9	3,069	23.0	9.4%	0.0%	
VRE	Bất động sản	20.4	0.49%	1.0	46,128	406.0	1,802	11.3	19.2%	0.0%	
CMG	Công nghệ Thông tin	30.3	-5.46%	1.1	6,772	27.7	1,478	21.7	36.3%	0.0%	
PLX	Dầu khí	33.0	-1.79%	0.9	42,692	40.4	2,274	14.8	17.5%	0.0%	Link
PVD	Dầu khí	17.8	0.85%	1.1	9,783	99.1	1,255	14.0	8.2%	0.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.0	-4.99%	1.7	12,558	250.2	1,869	22.0	29.6%	0.0%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.6	0.38%	1.7	15,179	125.9	1,583	16.7	7.0%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.1	-0.17%	0.9	136,344	39.5	4,439	13.1	1.7%	0.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.9	0.85%	1.0	27,634	118.0	475	24.9	3.7%	0.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.4	-0.15%	1.0	30,851	38.7	4,237	15.5	49.0%	0.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	85.4	2.52%	0.5	45,116	75.8	2,632	31.6	12.6%	0.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.9	-0.99%	1.5	21,615	372.0	1,910	13.2	10.3%	0.0%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.0	-6.32%	1.0	19,287	152.9	4,610	10.0	40.5%	0.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.9	0.52%	1.3	7,482	206.2	4,403	13.1	9.9%	0.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.4	-4.67%	1.2	7,619	63.0	3,071	7.0	11.6%	0.0%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	100.0	-3.75%	0.0	12,653	93.6	3,146	33.0	6.6%	0.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	68.6	-4.06%	1.0	24,160	130.8	6,300	11.4	46.9%	0.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.1	0.00%	0.8	2,964	63.8	2,710	10.7	49.8%	0.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.0	-6.25%	1.3	1,962	23.4	2,568	6.2	16.5%	0.0%	
DPM	Hóa chất	32.5	-0.92%	1.3	12,816	60.9	1,374	23.8	8.6%	0.0%	Link
GVR	Hóa chất	23.5	-3.69%	1.6	97,600	154.6	997	24.5	0.7%	0.0%	
EIB	Ngân hàng	18.1	-0.82%	1.1	33,995	166.8	1,786	10.2	3.8%	0.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.7	-1.51%	0.6	99,028	60.5	3,254	10.2	0.8%	0.0%	
NAB	Ngân hàng	16.1	0.94%	0.0	21,892	90.3	2,702	5.9	1.8%	0.0%	
OCB	Ngân hàng	10.5	-0.47%	1.1	26,014	22.7	1,287	8.2	19.3%	0.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.8	0.00%	1.5	5,281	86.3	1,358	8.7	5.4%	0.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.8	-2.63%	1.6	4,047	13.3	180	84.6	0.7%	0.0%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	0.00%	0.8	9,577	73.6	1,527	20.6	4.1%	0.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.6	-2.26%	1.2	62,461	73.1	3,376	14.4	59.5%	0.0%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	48.3	-3.11%	1.3	11,178	59.4	5,463	9.1	23.9%	0.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.8	3.87%	1.2	10,151	77.7	12,103	10.3	83.2%	0.0%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.6	-1.29%	1.6	7,755	113.6	3,734	20.8	49.0%	0.0%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.0	-0.95%	1.2	9,586	39.4	4,705	17.8	8.1%	0.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.5	1.36%	1.5	3,011	37.4	3,553	13.5	7.4%	0.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.9	0.42%	1.5	5,101	64.1	987	12.0	7.0%	0.0%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.0	-1.87%	1.3	7,654	17.4	1,307	16.4	16.6%	0.0%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.4	0.45%	1.5	13,349	240.1	1,548	14.4	7.5%	0.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.0	0.24%	1.4	18,315	49.8	2,464	16.6	5.6%	0.0%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_ Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_ 4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_ 3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_ 1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_ 2Q2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>